

# GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CHÍNH SÁCH CỦA ĐẶC KHU KINH TẾ

## 1. Lịch sử hình thành Đặc khu kinh tế trên thế giới:

Đặc khu kinh tế (ĐKKT) trên thế giới được hình thành từ những khu mậu dịch tự do tồn tại từ thời cổ đại ở một số nước phát triển thịnh vượng về thương mại, đặc biệt là các vùng biên giới. Việc giao lưu buôn bán giữa các nước được thiết lập thông qua vận tải hàng hóa bằng đường biển là chủ yếu. Ở Miền nam nước Pháp có một khu mậu dịch tự do tại Cảng Marseille đã thúc đẩy việc giao thương quốc tế về hàng hóa giữa nước này với hàng hóa nhập khẩu từ nước khác vào không phải chịu bất kỳ một khoản thuế nào. Tiếp đến là ở miền Bắc nước Đức đã xuất hiện những thành phố tự do thương mại và đã hình thành nên liên minh mậu dịch tự do từ cuối thế kỷ XV – giai đoạn cuối của xã hội phong kiến.

Các dịch vụ thương mại tự do được hình thành cùng với sự phát triển của các hải cảng vào thời kỳ chủ nghĩa tư bản tạo nên sự hình thành nền sản xuất hàng hóa gắn với quá trình chuyên môn hóa các lợi thế trong phân công lao động quốc tế, đây cũng là nền tảng tạo nên sự khác biệt về mức độ phát triển kinh tế giữa các quốc gia.

Vào thời kỳ này các nước có nền kinh tế kém phát triển thúc đẩy các biện pháp bảo hộ đối với nền sản xuất trong nước, đặc biệt là sự bảo hộ thúc đẩy hoạt động tại các hải cảng tự do, hỗ trợ việc trao đổi hàng hóa mà không phải chịu ảnh hưởng của bất kỳ biện pháp bảo hộ nào. Điển hình như các nước Hà Lan, Anh, Đức ... là những nước chiếm ưu thế trong mậu dịch quốc tế thông qua các hải cảng dọc bờ biển Châu Âu, Địa Trung Hải, Trung Đông, Đông Nam Á và một số hải cảng nổi tiếng thế giới như Roteadam, Liverpool, Hamburg, Ađen, Gibuti, Singapore, Hồng Kông, Ma Cao... nhưng thực sự phát triển hoạt động thương mại tự do là vào những năm đầu của thế kỷ XX.

Ở Mỹ vào đầu những năm 30 của thế kỷ XX những khu mậu dịch tự do được thành lập trên cơ sở Luật về các khu mậu dịch tự do. Các tuyến vận chuyển hàng hóa quan trọng của thế giới đã xuất hiện những cảng tự do và các khu thương mại tự do lớn như Côlônơ – Panama kể từ sau chiến tranh thế giới thứ II. Các khu vực buôn bán tự do này được phát triển nhanh chóng cả về số lượng

và hình thức hoạt động. Trước đây, các khu mậu dịch tự do chủ đơn thuần về kinh doanh thương mại, trao đổi hàng hóa thì đến thời điểm này đã xuất hiện thêm các hoạt động kinh tế khác như gia công, lắp ráp.v.v.. đồng thời kèm theo hàng loạt động kinh doanh miễn thuế khác liên quan đến kho bảo thuế, kho ngoại quan, cửa hàng miễn thuế, khu gia công xuất khẩu v.v...ra đời.

Khu gia công xuất khẩu đầu tiên trên thế giới ra đời tại sân bay quốc tế Shannon của Ireland vào năm 1950 và tiếp đến là khu kinh gia công xuất khẩu tại Cao Hùng của Đài Loan vào năm 1965. Sau đó đã lan rộng ra các quốc gia khác trên thế giới do tính hiệu quả kinh tế và đơn giản thuận tiện về cơ chế quản lý.

Bản chất của đặc khu kinh tế lúc đầu chỉ là hoạt động thương mại thuần túy, nhưng sau đó đã phát triển đa dạng hơn, có sự kết hợp giữa công nghiệp và thương nghiệp, sản xuất, dịch vụ. Mô hình đặc khu kinh tế lúc đầu được phát triển từ hình thái sơ cấp và dần chuyển lên hình thái cao cấp với đa dạng ngành nghề, sử dụng nhiều sức lao động, vốn, kỹ thuật và tri thức được lan tỏa từ các nước Tây Âu sang Đông Nam Á, Châu Á - Thái Bình Dương, Trung và Nam Mỹ.

Có thể thấy rằng, trước chiến tranh thế giới thứ II chỉ với 75 cảng tự do và khu mậu dịch tự do phát triển ở 26 quốc gia và vùng lãnh thổ với chức năng chủ yếu là phát triển ngoại thương thông qua các biện pháp miễn thuế xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, đến giai đoạn sau chiến tranh thế giới thứ 2 thì mô hình đặc khu kinh tế được phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là các khu gia công xuất khẩu rất thịnh hành với 328 đặc khu kinh tế trong những năm 70 của thế kỷ XX.

Những năm trở lại đây, đặc khu kinh tế được xây dựng với quy mô lớn và tổng hợp hơn, đa dạng ngành nghề từ công nghiệp gia công xuất khẩu, thương mại quốc tế, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và các ngành nghề như du lịch, bảo hiểm, tài chính, dịch vụ ăn uống, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, văn hoá giáo dục cũng được chú trọng nguồn lực hỗ trợ phát triển. Đây cũng là cơ sở thúc đẩy đặc khu kinh tế thế giới phát triển cả về hình thức mậu dịch gia công xuất khẩu và đa dạng ngành công, nông, thương nghiệp phù hợp với sự phát triển của xã hội và điều kiện hội nhập quốc tế.

Ngoài ra, còn có mô hình đặc khu kinh tế công nghệ cao mang đặc điểm là tri thức, nhân tài, kỹ thuật được tập trung cao độ, giáo dục, nghiên cứu khoa học, kinh doanh được nhất thể hóa và được nhân rộng trên khắp nước Mỹ vào những năm 50-60 của thế kỷ XX. Đến những thập niên cuối của thế kỷ XX các đặc khu kinh tế mở kỹ thuật cao đương đối thành công và lên đến trên 400 khu trên toàn thế giới. Đến nay trên thế giới đã có hơn 3.500 khu kinh tế tự do tại 135 quốc gia.

Theo thống kê của Economist năm 2016 trên thế giới có 4.500 đặc khu kinh tế ở 140 quốc gia.

Trong hơn 10 năm trở lại đây, ĐKKT phát triển nhanh chóng, tính đến nay đã có khoảng hơn 700 ĐKKT, tăng gấp đôi so với 10 năm trước đó. Theo thống kê, tỷ lệ giữa tổng kim ngạch mậu dịch của các ĐKKT trên thế giới với tổng kim ngạch trong buôn bán quốc tế là 7,7% (năm 1979), đến năm 1985 đã tăng lên đến 20%, năm 1990 tăng vọt lên 33%, và đến năm 1994 đã đạt 35%. Tổng kim ngạch mậu dịch của các ĐKKT trên thế giới đạt hơn 1000 tỷ USD. Những con số trên đã phản ánh sự phát triển thần kỳ được tạo nên từ mô hình Đặc Khu Kinh Tế – sản phẩm của nền kinh tế thế kỷ XX.

## **2. Khái niệm về Đặc khu kinh tế:**

Cho đến nay, có rất nhiều khái niệm và cách hiểu khác nhau về ĐKKT. Xét theo nghĩa rộng, tất cả các vùng địa lý nhất định do một quốc gia hoặc một khu vực xác lập trong phạm vi của mình và ở đó thi hành các chính sách kinh tế đặc biệt đều có thể gọi là ĐKKT. Song nếu xét theo nghĩa hẹp, ĐKKT là một khu vực địa lý riêng biệt nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài, công nghệ tiên tiến, kỹ thuật quản lý để phát triển kinh tế với một cơ cấu ngành nghề đầy đủ của nền kinh tế quốc dân, gồm: công nghiệp, nông nghiệp, tài chính, y tế, du lịch, dịch vụ..., trong đó ưu tiên phát triển công nghiệp hướng về xuất khẩu, nhưng cũng không bỏ qua thị trường nội địa, mục đích là làm cho kinh tế của khu vực đó và các vùng lân cận trở nên phồn thịnh, tăng thu nhập và tăng thu ngoại tệ. Chính vì vậy, xây dựng ĐKKT là chính sách quan trọng của một quốc gia khi thực hiện chính sách mở cửa hướng ra bên ngoài và khuyến khích mở rộng xuất khẩu.

Tính chất tổ chức cao của ĐKKT còn được thể hiện qua mô hình “khu trong khu”, nghĩa là trong ĐKKT bao gồm tổng hợp các loại hình khác nhau của khu kinh tế tự do như Khu thương mại tự do, Cảng tự do, Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu chứa hàng miễn thuế. Với cách tổ chức như vậy, sự liên kết hoàn chỉnh giữa các loại hình này đã tạo nên một bức tranh tổng thể thống nhất, thúc đẩy sự phát triển của ĐKKT.

Theo quan điểm của Trung Quốc, ĐKKT là một khu vực địa lý được ngăn cách với bên ngoài bởi hai hàng rào quản lý: hàng rào thứ nhất để quản lý quan hệ giữa ĐKKT với thị trường thế giới, hàng rào thứ hai là hàng rào ngăn cách ĐKKT với thị trường nội địa thông qua sự kiểm soát chặt chẽ của lực lượng hải quan.

Trong Luật về khu kinh tế đặc biệt của Philippin, ĐKKT được định nghĩa như sau: “Các đặc khu kinh tế trong luật này sẽ được gọi là các khu kinh tế, là các vùng lãnh thổ được lựa chọn, đã từng là hoặc có khả năng trở thành các trung tâm công nông nghiệp, du lịch, vui chơi giải trí, thương mại, ngân hàng, đầu tư và tài chính. Một khu kinh tế có thể bao gồm một hoặc nhiều thành tố sau: khu công nghiệp, khu chế xuất, khu mậu dịch tự do, trung tâm du lịch, khu vui chơi giải trí”.

Từ những cách định nghĩa như trên và qua thực tiễn hoạt động của các ĐKKT, chúng ta có thể rút ra kết luận chung về ĐKKT như sau: “ĐKKT là một vùng lãnh thổ quốc gia đặc biệt, có ranh giới địa lý xác định, có dân cư sinh sống, ở đó áp dụng những chính sách đặc biệt, thích hợp cho việc phát triển kinh tế tự do theo cơ chế thị trường với một cơ cấu kinh tế tổng hợp giữa các ngành công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, tài chính, ngân hàng, du lịch, nhằm đạt được những mục tiêu nhất định của quốc gia thành lập”.

### ***3. Đặc điểm của Đặc khu kinh tế:***

a, ĐKKT được xây dựng tại các khu vực có vị trí địa lý và môi trường tự nhiên tương đối thuận lợi, giao thông thuận tiện, tài nguyên thiên nhiên dồi dào và dễ khai thác, khí hậu ôn hòa, phong cảnh tươi đẹp. Chính những thuận lợi về điều kiện tự nhiên sẽ tạo tiền đề vững chắc cho quá trình hoạt động của ĐKKT.

Thực tế cho thấy rằng, những quốc gia áp dụng mô hình ĐKKT trên thế giới đều lựa chọn địa điểm xây dựng đặc khu ở những nơi xung yếu của đất nước, có điều kiện tự nhiên thuận lợi, đồng thời lại có tiềm năng về phát triển kinh tế.

Ví dụ như ĐKKT Clack của Philippin, đặc khu này được xây dựng ở một vị trí chiến lược hết sức quan trọng, trước đây đã từng được Mỹ sử dụng làm căn cứ quân sự (khu quân sự Subic). Chính phủ Philippin đã tận dụng những lợi thế về vị trí địa lý của khu cảng này để thành lập ĐKKT. Hay như ĐKKT Thâm Quyển của Trung Quốc, được xây dựng ở vùng đất phía Nam có khí hậu ôn hòa, lại nằm đối diện với “con rồng Châu Á” là Hồng Kông đang phát triển rất nhanh, nên đặc khu này đã sớm gặt hái được nhiều thành công ngay sau khi thành lập.

b, ĐKKT được thành lập ở các nước có nền kinh tế đang trong giai đoạn chuyển đổi, nó là phần đệm giữa nền kinh tế bảo hộ và nền kinh tế tự do, là nơi kết hợp hài hòa các nhân tố quốc gia và quốc tế cho mục đích phát triển chung.

Chính vì vậy, ĐKKT có nhiệm vụ kép gồm “ngoại liên” (đưa đầu tư từ nước ngoài vào) và “nội liên” (thiết lập quan hệ với các xí nghiệp nội địa), có nghĩa là những kỹ thuật tiên tiến và kinh nghiệm quản lý du nhập từ nước ngoài, thông qua tiêu hoá, hấp thụ, truyền đạt, sẽ được chuyển vào nội địa để phát triển kinh tế nội địa theo mô hình hướng ra bên ngoài. Nói cách khác, ĐKKT là “cửa sổ” nhìn ra thế giới, là “cầu nối” giữa thị trường quốc gia và thị trường quốc tế.

c, Mục đích chủ yếu khi xây dựng ĐKKT là nhằm mở rộng xuất khẩu, phát triển kinh tế và nâng cao trình độ kỹ thuật, tăng thu ngoại tệ. Để thực hiện mục tiêu này, các nước đặc biệt chú trọng phát triển ngành gia công xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài và thiết bị kỹ thuật tiên tiến, qua đó phát triển kinh tế khu vực và các vùng lân cận, nâng cao trình độ kỹ thuật của nền sản xuất trong nước. Bên cạnh đó, để phát triển đồng bộ cơ cấu kinh tế đa ngành, ĐKKT cũng khuyến khích dòng vốn đầu tư nước ngoài vào những lĩnh vực khác như công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ...

d, ĐKKT có môi trường đầu tư thông thoáng. Ở đây, Nhà nước áp dụng các chính sách ưu đãi và các biện pháp hỗ trợ đặc biệt cho nhà đầu tư và thương

nhân nước ngoài, đơn giản hoá thủ tục hành chính, tạo điều kiện tối ưu cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong đặc khu được thuận lợi. Chính vì vậy, ĐKKT luôn là nơi tập trung được nhiều vốn đầu tư nhất trong cả nước.

ĐKKT có điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối hoàn chỉnh và hiện đại, bao gồm: hệ thống điện, nước, cầu, cống, đường giao thông, nhà xưởng, kho tàng, bệnh viện, trường học, hệ thống thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, và các công trình văn hoá xã hội khác. Những cơ sở hạ tầng này có thể đã có sẵn từ trước khi quyết định thành lập ĐKKT, cũng có thể được xây dựng sau khi thành lập đặc khu.

#### **4. Vai trò của đặc khu kinh tế**

##### **4.1. Vai trò của Đặc khu kinh tế đối với nền kinh tế quốc dân:**

Các ĐKKT giữ một vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Chúng được thành lập nhằm giải quyết những nhiệm vụ kinh tế trước mắt và lâu dài của đất nước.

ĐKKT đóng vai trò quan trọng trong việc đẩy nhanh quá trình tích lũy vốn và công nghệ, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá nền kinh tế đất nước.

Sự góp mặt của ĐKKT có tác dụng to lớn trong việc thu nhận vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý từ các nhà đầu tư nước ngoài để mở rộng sản xuất, nâng cao năng lực xuất khẩu của đất nước, tăng thu nhập ngoại tệ.

Đối với nhiều quốc gia, nguyên nhân chính dẫn đến việc áp dụng mô hình ĐKKT là mục tiêu tăng xuất khẩu và tăng thu ngoại tệ, cải thiện cán cân thanh toán trên cơ sở giải quyết được sự thiếu hụt các nguồn lực sản xuất nhờ vào đầu tư nước ngoài. Số lượng lớn và sự tập trung tư bản cao của các nước xuất khẩu có vốn đầu tư nước ngoài tại các ĐKKT, kết hợp với sự mở cửa thông thoáng của các ĐKKT ra thế giới bên ngoài, giúp các nhà kinh doanh trong nước dễ dàng tiếp cận với công nghệ hiện đại và kỹ năng quản lý tiên tiến của thế giới. Các ĐKKT là cầu nối thị trường trong nước và thị trường ngoài nước, là phần đệm giữa một thị trường bảo hộ và một thị trường tự do.

*ĐKKT góp phần tăng cường hoạt động kinh tế đối ngoại của quốc gia.*

Với một cơ cấu kinh tế tổng hợp đa ngành nghề như một xã hội thu nhỏ, ĐKKT là nơi thử nghiệm và phát triển các chính sách kinh tế mới, đặc biệt là các chính sách kinh tế đối ngoại. Mọi giao dịch thương mại của đặc khu với bên ngoài nhờ đó mà được thực hiện một cách thuận lợi. Hoạt động kinh tế đối ngoại của ĐKKT cũng vì thế mà được tăng cường. Không những thế, với vai trò “người dò đường” cho nền kinh tế quốc gia, các chính sách mở về kinh tế đối ngoại được thực thi ở ĐKKT còn thể hiện xu hướng đối ngoại đại diện cho toàn bộ nền kinh tế.

*ĐKKT đóng vai trò làm đầu tàu kéo theo sự phát triển kinh tế của các vùng khác và cả nước.*

ĐKKT có tính lan tỏa ra mọi hướng, vì vậy nó có tác dụng làm đầu tàu phát triển cho nền kinh tế, thúc đẩy sự phát triển các vùng kinh tế khác trong cả nước, tạo động lực cho sự đi lên của nền kinh tế quốc dân. ĐKKT được xây dựng với mục đích thử nghiệm một mô hình kinh tế mới mang tính đột phá, trong đó nổi bật là tốc độ phát triển kinh tế cao. Do đó, tầm quan trọng của ĐKKT chủ yếu không phải là ở tổng sản lượng hay thu nhập theo đầu người mà là ở tốc độ tăng trưởng kinh tế. Sự tăng trưởng kinh tế cao ở ĐKKT sẽ tác động tới các vùng kinh tế khác theo kiểu vết dầu loang, đầu tiên là lan tới các vùng lân cận, rồi tới khắp mọi nơi trong cả nước, tạo đà cho sự phát triển của cả nền kinh tế quốc dân.

*ĐKKT tăng cường khả năng giao lưu với thế giới bên ngoài.*

Với vai trò là cầu nối giữa thị trường trong nước và thị trường ngoài nước, ĐKKT có tác dụng tích cực trong việc mở rộng sự hiểu biết thông tin hai chiều trong nước và quốc tế. Điều này được thực hiện một cách dễ dàng bởi việc thi hành những chính sách thông thoáng trong đặc khu.

*ĐKKT có vai trò tích cực trong việc giải quyết các vấn đề xã hội.*

ĐKKT góp phần làm giảm tỷ lệ thất nghiệp nhờ vào việc tạo ra công ăn việc làm cho người lao động. Hàng năm, ở mỗi quốc gia, lực lượng lao động lại

được bổ sung bằng những con số lên đến hàng nghìn, hàng vạn, và kéo theo đó là nhu cầu việc làm càng cấp thiết hơn. Xây dựng các ĐKKT là một biện pháp quan trọng để giải quyết số lao động dư thừa đang ngày càng gia tăng này. ĐKKT với một cơ cấu kinh tế đa ngành và có quy mô lớn sẽ tạo được rất nhiều việc làm cho người lao động trong nội địa.

Ngoài vai trò giải quyết nạn thất nghiệp, ĐKKT còn đóng vai trò quan trọng trong việc giảm rủi ro về môi trường. Do việc tập trung các ngành nghề trong một khu vực có diện tích không lớn như ĐKKT nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban quản lý đặc khu trong việc quản lý cũng như giám sát thường xuyên hoạt động của các doanh nghiệp, ngăn chặn và xử lý kịp thời khi doanh nghiệp nào đó thải chất độc hại ra môi trường. Ngoài ra, một số ĐKKT còn tận dụng rác thải từ các nhà máy để tiến hành tái chế, phát triển ngành chế biến chất thải công nghiệp nên cũng hạn chế được những tác động tiêu cực đến môi trường.

Vai trò tổng hợp của ĐKKT trong sự phát triển nền kinh tế quốc dân chính là thông qua các vai trò nêu trên để đẩy nhanh quá trình tham gia vào phân công lao động quốc tế, hoà nhập vào nền kinh tế khu vực là thế giới.

Như vậy, ĐKKT có các vai trò lớn sau đối với nền kinh tế quốc dân:

- Về mặt đối nội: ĐKKT là nơi thử nghiệm các chính sách kinh tế mới trước khi áp dụng vào các vùng khác của quốc gia. ĐKKT là đầu tàu tăng trưởng kinh tế, là bước đột phá trong chính sách kinh tế mở, hiện đại.

- Về mặt đối ngoại: ĐKKT là cửa sổ nhìn ra thế giới, là cầu nối để tiếp thu vốn, khoa học kỹ thuật, công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đẩy mạnh quá trình tham gia phân công lao động quốc tế.

#### **4.2. Vai trò của Đặc khu kinh tế đối với hoạt động xuất nhập khẩu nói riêng:**

Ngoài những tác dụng tích cực như trên đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân, ĐKKT còn có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với hoạt động xuất nhập khẩu nói riêng của một quốc gia.

*ĐKKT góp phần tạo vốn cho việc nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu.*



Bất kỳ một quốc gia nào muốn phát triển kinh tế đất nước đều cần đến vốn, nhưng nguồn vốn được trích ra từ ngân sách Nhà nước luôn trở nên quá ít ỏi trước nhu cầu khổng lồ không ngừng gia tăng. Đối với ĐKKT, nhu cầu về nguồn vốn phát triển các ngành kinh tế trong đặc khu cũng trở thành vấn đề cần được nghiêm túc nghiên cứu khi thành lập đặc khu. Tuy nhiên, với chính sách mở cửa rộng rãi đón nhận các dòng vốn đầu tư từ bên ngoài, ĐKKT đã giải quyết tốt vấn đề nguồn vốn, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước nhập khẩu vốn từ các nhà đầu tư nước ngoài. Nguồn vốn dồi dào đã giúp cho các sản phẩm và dịch vụ được đầu tư nhiều hơn về chiều sâu, từ đó nâng cao chất lượng hàng hoá mang nhãn hiệu ĐKKT, hoạt động xuất khẩu cũng vì thế mà trở nên dễ dàng hơn, các sản phẩm xuất khẩu có sức cạnh tranh hơn trên thị trường thế giới.

*ĐKKT có vai trò tích cực trong việc nâng cao kinh nghiệm sản xuất hàng xuất khẩu.*

Đồng thời với việc nhập khẩu vốn đầu tư nước ngoài, ĐKKT còn trở thành cửa sổ thu hút kỹ thuật và công nghệ tiên tiến từ các nước phát triển.

ĐKKT là “phòng thí nghiệm” cho các kỹ thuật sản xuất mới và các ngành nghề mới, do đó trong ĐKKT, việc sản xuất hàng xuất khẩu được thực hiện theo những phương pháp tiên tiến trên thế giới thông qua các dây chuyền công nghệ hiện đại. Điều này đã giúp cho các doanh nghiệp nội địa có điều kiện tiếp xúc với những kỹ thuật mới, từ đó nâng cao khả năng và kinh nghiệm sản xuất hàng xuất khẩu cho doanh nghiệp.

*ĐKKT tăng khả năng cạnh tranh cho hàng xuất khẩu bằng cách góp phần làm giảm chi phí xuất khẩu.*

Hàng hoá được sản xuất ra trong ĐKKT chủ yếu để xuất khẩu ra thị trường nước ngoài, do đó nó phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt của nhiều đối thủ trên thương trường. Biện pháp để sản phẩm cạnh tranh lành mạnh có thể bằng chất lượng hoặc giá cả. Những sản phẩm được sản xuất tại ĐKKT sử dụng biện pháp cạnh tranh bằng cả chất lượng và giá cả. Đó là nhờ vào sự ưu đãi trong chính sách nhập khẩu đầu vào và xuất khẩu đầu ra. Ở đầu vào, vốn và công nghệ được nhập khẩu một cách dễ dàng nhằm phục vụ cho việc sản xuất được thuận

lợi. Nhờ đó, chất lượng sản phẩm được nâng cao rõ rệt, không thua kém các đối thủ cạnh tranh. Đến đầu ra, sản phẩm lại được ưu đãi về thuế xuất khẩu; ngoài ra, thủ tục xuất khẩu cũng rất nhanh gọn, thuận tiện, không gây lãng phí thời gian và bỏ lỡ mất thời vụ kinh doanh của doanh nghiệp.

Chính vì vậy đã làm giảm chi phí xuất khẩu và tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường thế giới.

*ĐKKT giúp sản phẩm xuất khẩu nâng cao khả năng xâm nhập vào thị trường thế giới.*

ĐKKT đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc rút ngắn thời gian và chi phí để xâm nhập vào thị trường thế giới, nhất là những thị trường có dung lượng lớn. Nguyên nhân chính là do hệ thống các chính sách ưu đãi đặc biệt về kinh tế được áp dụng trong ĐKKT. Những chính sách này tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài khi đổ vốn vào đặc khu, đồng thời cũng tạo môi trường thông thoáng cho hàng hoá từ đặc khu ra nước ngoài.

Những hàng hóa của đặc khu được khuyến khích xuất khẩu bằng cách không phải nộp thuế xuất khẩu, hoặc nếu có thì chỉ là một vài sắc thuế rất thấp. Bên cạnh đó là chi phí thuê nhân công thấp, chi phí về nguyên vật liệu tại chỗ rẻ...

Tất cả những thuận lợi này đã giúp cho hàng xuất khẩu của ĐKKT hạ được chi phí sản xuất và xuất khẩu, giảm giá thành và giá bán hàng hoá, tạo ra khả năng cạnh tranh cao, từ đó dễ dàng xâm nhập thị trường thế giới.

TTBD ĐBDC

